

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2019

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE, DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.
2. Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh Việt Nam và nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp, hộ kinh doanh) kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ karaoke là dịch vụ cung cấp âm thanh, ánh sáng, nhạc, lời bài hát và hình ảnh thể hiện trên màn hình (hoặc hình thức tương tự) phục vụ cho hoạt động ca hát tại các cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke theo quy định của Nghị định này.
2. Dịch vụ vũ trường là dịch vụ cung cấp sàn nhảy, sân khấu, âm thanh, ánh sáng phục vụ cho hoạt động khiêu vũ, ca hát hoặc chương trình nghệ thuật tại các cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường theo quy định của Nghị định này.

Điều 3. Nguyên tắc kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường

1. Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường sau khi được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh và bảo đảm các điều kiện theo quy định của Nghị định này, các quy định của pháp luật khác có liên quan.
2. Bảo đảm an ninh, trật tự xã hội; tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và tài sản của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.
3. Không lợi dụng hoạt động kinh doanh làm phát sinh tệ nạn xã hội, tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật khác.

Chương II

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH KHI KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE, DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG

Điều 4. Điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke

1. Là doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Bảo đảm các điều kiện về phòng, chống cháy nổ và an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
3. Phòng hát phải có diện tích sử dụng từ 20 m² trở lên, không kể công trình phụ.
4. Không được đặt chốt cửa bên trong phòng hát hoặc đặt thiết bị báo động (trừ các thiết bị báo cháy nổ).

Điều 5. Điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường

1. Là doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Bảo đảm các điều kiện về phòng, chống cháy nổ và an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
3. Phòng vũ trường phải có diện tích sử dụng từ 80 m² trở lên, không kể công trình phụ.
4. Không được đặt chốt cửa bên trong phòng vũ trường hoặc đặt thiết bị báo động (trừ các thiết bị báo cháy nổ).
5. Địa điểm kinh doanh phải cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa từ 200 m trở lên.

Điều 6. Trách nhiệm chung của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường

1. Chỉ sử dụng các bài hát được phép phổ biến, lưu hành.
2. Chấp hành pháp luật lao động với người lao động theo quy định của pháp luật. Cung cấp trang phục, biển tên cho người lao động.
3. Bảo đảm đủ điều kiện cách âm và âm thanh thoát ra ngoài phòng hát hoặc phòng vũ trường phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
4. Tuân thủ quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
5. Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.
6. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; vệ sinh an toàn thực phẩm; bản quyền tác giả; hợp đồng lao động; an toàn lao động; bảo hiểm; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ karaoke

Ngoài trách nhiệm quy định tại Điều 6 Nghị định này, doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh có trách nhiệm:

1. Bảo đảm hình ảnh phù hợp lời bài hát thể hiện trên màn hình (hoặc hình thức tương tự) và văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.
2. Không được hoạt động từ 0 giờ sáng đến 08 giờ sáng.

Điều 8. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ vũ trường

Ngoài trách nhiệm quy định tại Điều 6 Nghị định này, doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh có trách nhiệm:

1. Không được hoạt động từ 02 giờ sáng đến 08 giờ sáng.
2. Không cung cấp dịch vụ vũ trường cho người chưa đủ 18 tuổi.
3. Trường hợp có chương trình biểu diễn nghệ thuật phải thực hiện theo quy định của pháp luật về biểu diễn nghệ thuật.

Chương III

CẤP, ĐIỀU CHỈNH, THU HỒI GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE HOẶC DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG

Điều 9. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường

1. Cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh) có thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường (sau đây gọi là Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh).

2. Cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh thực hiện phân cấp, ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện được cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

Điều 11. Trình tự cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh

1. Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Nghị định này đến cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh có văn bản thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ.

3. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế các điều kiện quy định tại Nghị định này, cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trường hợp không cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh gửi và lưu Giấy phép này như sau: 02 bản lưu tại cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh; 01 bản gửi doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh; 01 bản gửi cơ quan công an cấp huyện nơi thực hiện kinh doanh; 01 bản gửi cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh; đăng tải trên trang Thông tin điện tử của cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh.

Điều 12. Trình tự điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh

1. Trường hợp thay đổi về địa điểm kinh doanh phải thực hiện thủ tục cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

2. Trường hợp thay đổi về số lượng phòng hoặc chủ sở hữu phải thực hiện điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này và thực hiện các quy định có liên quan của Luật doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc trực tuyến Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) đến cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh.

4. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh gửi văn bản thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ.

5. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế các nội dung thay đổi và cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh đã được điều chỉnh (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trường hợp không cấp Giấy phép điều chỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Việc gửi và lưu Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh đã được điều chỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định này.

Điều 13. Cấp bản sao Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh từ sổ gốc

1. Trường hợp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh bị mất, hỏng hoặc rách, doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh đề nghị cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh cấp bản sao giấy phép từ sổ gốc.

2. Việc cấp bản sao từ sổ gốc thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Điều 14. Tự chấm dứt kinh doanh

Doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi tự chấm dứt kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường có trách nhiệm gửi văn bản thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) và Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh đã cấp cho cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh. Trường hợp doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh không thông báo, sau thời gian 12 tháng liên tục không hoạt động, cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định này.

Điều 15. Yêu cầu tạm dừng hoạt động kinh doanh để khắc phục vi phạm

1. Cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh yêu cầu tạm dừng kinh doanh bằng văn bản khi doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm các điều kiện kinh doanh quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Nghị định này nhưng chưa gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản;

b) Vi phạm lần thứ hai về trách nhiệm khi hoạt động kinh doanh quy định tại các điều 6, 7 và 8 Nghị định này.

2. Văn bản yêu cầu tạm dừng kinh doanh phải nêu rõ hành vi vi phạm, thời điểm và thời hạn tạm dừng. Việc xác định thời hạn tạm dừng căn cứ vào mức độ vi phạm, thời hạn khắc phục do cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh quyết định. Thời hạn tạm dừng không quá 03 tháng.

3. Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh phải dừng kinh doanh theo yêu cầu và khắc phục vi phạm.

Điều 16. Thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh

1. Cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh khi doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh;

b) Vi phạm điều kiện kinh doanh gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản;

c) Được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh nhưng không kinh doanh trong 12 tháng liên tục;

d) Không tạm dừng kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh;

đ) Hết thời hạn tạm dừng kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh mà không khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ các vi phạm;

e) Trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh, mà tái phạm các hành vi vi phạm đã nêu tại văn bản yêu cầu tạm dừng kinh doanh.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh phải nộp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh đã cấp cho cơ quan ban hành Quyết định thu hồi.

3. Cơ quan ban hành Quyết định thu hồi phải đăng tải thông tin về việc thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh trên trang Thông tin điện tử của cơ quan.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Cơ quan thanh tra, cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất (không phải thông báo trước) theo thẩm quyền hoặc tổ chức Đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành các cấp.

2. Căn cứ kết luận của cơ quan có thẩm quyền về hành vi vi phạm của cá nhân, tổ chức trong quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự các đối tượng liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Trách nhiệm của các bộ

1. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Chịu trách nhiệm về công tác quản lý nhà nước đối với kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

c) Thực hiện công bố, công khai các thủ tục hành chính của kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền liên quan kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

đ) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành các cấp đối với kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

e) Thực hiện công tác thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Bộ Công an:

a) Chịu trách nhiệm về công tác quản lý nhà nước, công tác chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền, tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về an ninh, trật tự; phòng, chống tội phạm; phòng, chống cháy nổ tại cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

b) Thực hiện công tác thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn về phí thẩm định cấp, điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn về việc bảo đảm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn tại cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

5. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm về công tác quản lý hoạt động khuyến mại, tiếp thị, kinh doanh rượu, bia và các hàng hóa, dịch vụ khác thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý của Bộ Công Thương tại cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm về công tác quản lý nhà nước về lao động, phòng, chống tệ nạn xã hội tại cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bảo đảm thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Thực hiện quản lý nhà nước về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường trên địa bàn.

2. Chỉ đạo cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Sở Công Thương, Sở Tài chính, các cơ quan, ban, ngành khác và Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương thực hiện quản lý nhà nước về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường trên địa bàn.

3. Thực hiện công bố, công khai các thủ tục hành chính của kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

5. Thực hiện kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường theo quy định.

6. Thực hiện công tác thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa đến thời hạn được cấp thì trình tự, thủ tục sẽ áp dụng theo quy định của Nghị định này.

2. Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh đã được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được phép hoạt động kinh doanh.

3. Sau thời gian 03 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh đã được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và bảo đảm các điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định này được tiếp tục hoạt động theo nội dung ghi trong Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh đã cấp. Trường hợp có thay đổi hoạt động kinh doanh phải thực hiện theo thủ tục điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định này.

4. Sau thời gian 03 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh đã được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu

lực thi hành nhưng không bảo đảm các điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định này phải chấm dứt hoạt động kinh doanh.

Điều 21. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

2. Bãi bỏ các nội dung quy định tại:

a) Các Điều 24, 25, 26, 27, 29, 30, 31, 32 và 34, khoản 2 Điều 37, Điều 38 của Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ;

b) Các điểm e, g, h và i khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

c) Các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 7 của Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Điều 1 Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và quy định viện dẫn tại Nghị định này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2)

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường
Mẫu số 02	Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường
Mẫu số 03	Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường
Mẫu số 04	Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường
Mẫu số 05	Văn bản thông báo chấm dứt kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường

Mẫu số 01

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
DỊCH VỤ KARAOKE HOẶC DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG

Kính gửi:..... (2)

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh:

Người đại diện theo pháp luật:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sốdo..... cấp ngày tháng năm

Mã số:

Đề nghị ... (2) ... xem xét cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường, cụ thể là:

Kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường tại địa chỉ:

Tên, biển hiệu cơ sở kinh doanh (nếu có):

Điện thoại:..... Fax:.....

STT	Vị trí, kích thước phòng	Diện tích (m ²)

Tài liệu kèm theo:.....
.....(3).....

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(3) Nêu rõ các tài liệu kèm theo.

Mẫu số 02

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
DỊCH VỤ KARAOKE HOẶC DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
HOẶC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA
TẠI ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC PHÂN CẤP**

Căn cứ..... (2).....;

Căn cứ Nghị định số .../20.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số ngày... tháng... năm..... của(3).....;

Theo đề nghị của..... (4).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường

Cho phép:..... (3)

Địa chỉ trụ sở chính tại

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số.....
do..... cấp ngày..... tháng năm

Mã số:

Được phép kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường tại địa chỉ:
.....
.....

Tên, biển hiệu cơ sở kinh doanh (nếu có):

Điện thoại:..... Fax:

STT	Vị trí, kích thước phòng	Diện tích (m ²)

Điều 2. Hiệu Lực của Giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm.....

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

...(3)... phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../20../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan./.

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-(3).....;
-(5).....;
- Lưu: VT,(4).....

- (1) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.
- (2) Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh
- (3) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.
- (4) Tên cơ quan, đơn vị trình.
- (5) Các cơ quan, đơn vị liên quan cần gửi giấy phép.

Mẫu số 03

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
DỊCH VỤ KARAOKE HOẶC DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG

Kính gửi:(2).....

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh:

Người đại diện theo pháp luật:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số.....
do..... cấp ngàythángnăm

Mã số:

Đã được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số.....
do..... cấp ngày tháng ... năm

Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ
trường (điều chỉnh lần thứ.....) số..... do..... cấp ngày... tháng ... năm
(nếu có);

... (1)... đề nghị... (2) ... xem xét cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh
dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường, cụ thể như sau:

Thông tin cũ (nếu có).....

Thông tin điều chỉnh(3)

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện đúng các quy
định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh
doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi
phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ
karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(3) Ghi rõ nội dung điều chỉnh.

Mẫu số 04

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
DỊCH VỤ KARAOKE HOẶC DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG
(Điều chỉnh lần thứ...)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
HOẶC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA
TẠI ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC PHÂN CẤP

Căn cứ..... (2).....;

Căn cứ Nghị định số .../20.. /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

Căn cứ Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số..... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ...;

Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường (điều chỉnh lần thứ ...) số..... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ... (nếu có);

Xét Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số ngày ... tháng ... năm ... của (3)..... ;

Theo đề nghị của..... (4).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số do..... cấp ngày ... tháng ... năm như sau:..... (5).....

Điều 2. Hiệu lực của Giấy phép

1. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm
2. Giấy phép này là một phần không thể tách rời của Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số.....docấp ngày ... tháng ... năm

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

.. (3)... phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../20../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan./.

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-(3).....;
-(6).....;
- Lưu: VT,(4).....

- (1) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.
- (2) Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh.
- (3) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.
- (4) Tên cơ quan, đơn vị trình.
- (5) Ghi rõ nội dung điều chỉnh.
- (6) Các cơ quan, đơn vị liên quan cần gửi Giấy phép điều chỉnh.

Mẫu số 05

...(1)...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**VĂN BẢN THÔNG BÁO
CHẤM DỨT KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE
HOẶC DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG**

Kính gửi:..... (2).....

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh:

Người đại diện theo pháp luật:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày tháng năm

Mã số:

Đã được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số..... do cấp ngày ... tháng ... năm.....;

Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường (điều chỉnh lần thứ.....) số..... do..... cấp ngày ... tháng ... năm..... (nếu có);

... (1)... xin thông báo về việc tự chấm dứt hoàn toàn việc kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường tại cơ sở kinh doanh theo Giấy phép đã cấp kể từ ngày tháng năm.....

Gửi kèm thông báo này là các Giấy phép, Giấy phép điều chỉnh đã cấp.

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(2) Cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.